

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn phường Yên Hòa năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

Thực hiện Kế hoạch hành động số 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban chỉ đạo 57 Thành ủy Hà Nội về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026, Ban Chỉ đạo 57 phường Yên Hòa ban hành Kế hoạch hành động năm 2026 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn phường, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Năm 2026 được thành phố xác định là năm then chốt, có ý nghĩa bản lề trong việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao hiệu quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; Ban Chỉ đạo 57 phường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm đã Thành ủy, Đảng ủy đã đề ra, cụ thể:

a) Khẳng định vai trò dẫn dắt của Thủ đô trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

b) Thực hiện chuyển đổi căn bản phương thức lãnh đạo, điều hành từ dựa trên kinh nghiệm sang dựa trên dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo; từng bước hình thành nền hành chính phục vụ, vận hành thông suốt, minh bạch, trong đó các quyết định được đưa ra nhanh hơn, chính xác hơn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả khu vực công; lấy kết quả đầu ra và tác động làm thước đo chủ yếu; coi dữ liệu là tài nguyên chiến lược và thúc đẩy chia sẻ, khai thác hiệu quả.

c) Đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực trực tiếp góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 từ 11% trở lên; trong đó tập trung gia tăng tỷ trọng kinh tế số, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống và nâng cao đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP).



d) Kiến tạo nền tảng phát triển bền vững, trong đó: tham gia đóng góp vào quá trình hình thành hệ thống hạ tầng số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo dùng chung của thành phố, bảo đảm kết nối toàn trình, liên thông, khai thác hiệu quả.

đ) Xây dựng xã hội số bao trùm và an toàn, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận công bằng, thuận lợi các dịch vụ công và phúc lợi xã hội trên môi trường số; đồng thời xây dựng văn hóa số văn minh, củng cố niềm tin số và bảo đảm an toàn, an ninh trong quá trình chuyển đổi số.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Quản trị, điều hành

- 100% quyết định điều hành được hỗ trợ bởi dữ liệu số và dashboard.
- Giảm tối thiểu 20% thời gian xử lý các quy trình liên thông.
- Số lượng hội nghị trực tiếp chiếm không quá 40% và số lượng hội nghị trực tuyến chiếm không ít hơn 60% tổng số hội nghị; thực hiện tinh giản 20% số lượng hội nghị, cuộc họp trong năm.
- Giảm ít nhất 20% số lượng văn bản ban hành.
- Thông tin báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin dữ liệu và Dashboard.
- Thay thế tối thiểu 50% công tác quản trị, điều hành theo phương thức truyền thống (chủ yếu dựa vào báo cáo giấy, có độ trễ, thiếu khách quan, chưa phản ánh đầy đủ bối cảnh) sang phương thức quản trị dựa trên dữ liệu.

b) Chuyển đổi số

(1) Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

- Về hạ tầng, nền tảng số và dữ liệu dùng chung
 - + Phối hợp với các sở, ngành và các doanh nghiệp viễn thông mở rộng phủ sóng 5G.
 - + 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.
 - + 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.
- Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến
 - + Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính áp dụng tại phường đạt tối thiểu 80%.
 - + Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước.
 - + 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi toàn Thành phố.

+ Chỉ duy trì các thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến thực sự cần thiết. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Về nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số

+ 100% đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng khung năng lực số cơ bản được quy định.

+ Cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

(2) Kinh tế số

- Đạt chỉ tiêu đóng góp vào GRDP tại mục c phần này.

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

- Duy trì hiệu quả và nhân rộng mô hình “Tuyến phố thương mại 4.0 - Không dùng tiền mặt” tại các tuyến đường, phố trên địa bàn phường, góp phần hình thành thói quen không sử dụng tiền mặt trong thanh toán, giao dịch của người dân.

(3) Xã hội số

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số.

- Lan tỏa nhận thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp.

d) Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

(1) Số hóa, minh bạch quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ

- 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quản lý, theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Rút ngắn thời gian trung bình phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến ngày ban hành quyết định phê duyệt) xuống dưới 55 ngày.

đ) Về theo dõi, giám sát và đánh giá

- 100% nhiệm vụ triển khai trên địa bàn được cập nhật kết quả, theo dõi, giám sát, đánh giá để báo cáo Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy. Thông tin, số liệu được cập nhật kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng.

- 100% nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW triển khai trên địa bàn được theo dõi bằng KPI theo thời gian thực bằng hệ thống.

2. Yêu cầu

Từng thành viên Ban Chỉ đạo 57 Đảng ủy phường căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý để tham mưu và thực hiện các nội dung, nhiệm vụ Ban Chỉ đạo giao bảo đảm nguyên tắc:

- Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thời hạn.
- Bảo đảm kịp thời nguồn lực kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp. Trong đó, tập trung nguồn lực giải quyết các bài toán điểm nghẽn cốt lõi; tránh dàn trải, hình thức. Kiên quyết phòng, chống lãng phí cả về tài chính và thời gian; kiểm soát hiệu quả đầu tư ngay từ khâu chủ trương, danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.
- Kết hợp hài hòa giữa các nhiệm vụ thường xuyên (hoàn thiện thể chế, hạ tầng, đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực) với các nhiệm vụ đột phá, sáng tạo. Mọi nhiệm vụ phải được lượng hóa bằng các chỉ số đo lường (KPI) cụ thể, được theo dõi, giám sát minh bạch trên môi trường số.
- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ và kết quả thực hiện; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm khi chậm trễ, đề xuất điều động, thay thế cán bộ khi cần thiết.

II. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm được xây dựng nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể nêu tại Phần I.

Trong đó, các chỉ tiêu tại mục kết quả cần đạt của từng nhóm nhiệm vụ là các chỉ số đo lường kết quả triển khai (***KPI triển khai***), có vai trò trực tiếp góp phần thực hiện và hoàn thành các ***mục tiêu, KPI chiến lược*** tại phần I của Kế hoạch; các nhóm nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự tương ứng với các mục tiêu tại phần I; cụ thể như sau:

2.1. Nhóm 1: Tập trung cao độ và đổi mới trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch

2.1.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Ban hành Kế hoạch chi tiết để triển khai Kế hoạch này bảo đảm bám sát thực tiễn, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả; theo mô hình OKR và lượng hóa các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (KPI) tương ứng với từng nhiệm vụ; gửi Tổ Thường trực theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo 57 Đảng ủy phường để tổng hợp, cập nhật và theo dõi tập trung trên Hệ thống. Hoàn thành chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Kế hoạch này được ban hành.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch nhằm bảo đảm phù hợp, thống nhất với Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy và các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 57 Đảng ủy phường trong quá trình thực hiện.

2.1.2. Kết quả cần đạt:

- Ban hành Kế hoạch triển khai chi tiết thực hiện Kế hoạch này.

- 100% nhiệm vụ trong Kế hoạch được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện bảo đảm nguyên tắc “6 rõ”.

- Tối thiểu 90% nhiệm vụ trọng tâm trong các Kế hoạch sau khi ban hành được triển khai đúng tiến độ theo lộ trình đã xác định trong năm 2026.

2.1.3. Cơ quan/người chủ trì thực hiện:

- Bí thư Đảng ủy phường chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Thường trực Ban Chỉ đạo 57 Đảng ủy phường chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện.

2.2. Nhóm 2: Tham gia ý kiến đóng góp hoàn thiện thể chế, chính sách

- Nghiên cứu, tham mưu gia đóng góp ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Luật Thủ đô liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Đã có văn bản tham gia ý kiến).

2.3. Nhóm 3: Nâng cao năng lực số của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị phường (bao gồm cả lãnh đạo)

2.3.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Triển khai đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị phường khung năng lực số sau khi thành phố ban hành để triển khai thực hiện. Thời gian thực hiện: sau khi thành phố ban hành.

- Triển khai theo dõi chỉ số kinh tế - xã hội và xử lý kiến nghị người dân theo thời gian thực trên Dashboard cá nhân hóa do thành phố trang bị cho lãnh đạo. Thời gian thực hiện: sau khi thành phố trang bị.

2.3.2. Kết quả cần đạt:

- 100% đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị phường đáp ứng khung năng lực số theo quy định (bao gồm cả cấp lãnh đạo).

- Giảm 20-25% thời gian xử lý trung bình của các quy trình công việc nội bộ thường xuyên, tương ứng rút ngắn khoảng 1,5-2 ngày đối với mỗi quy trình liên thông.

- Cắt giảm 20-30% chi phí văn phòng phẩm và chi phí hành chính thông qua ứng dụng AI; phân đầu chuyển đổi khoảng 2.000-3.000 vị trí việc làm giản đơn theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả, không làm tăng biên chế.

- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ bị trả lại do lỗi thể thức hoặc thiếu thông tin không quá 5%.

2.4. Nhóm 4: Xây dựng và triển khai hệ thống KPI cho toàn bộ hệ thống chính trị

2.4.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo khung pháp lý và hướng dẫn của thành phố về xây dựng, áp dụng và sử dụng KPI trong hệ thống chính trị. Thời gian thực hiện: sau khi thành phố ban hành khung pháp lý và hướng dẫn.

- Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bộ KPI phù hợp với đặc thù của địa phương để định lượng hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị từ Thành phố đến chính quyền cấp cơ sở. Thời gian thực hiện: sau khi có văn bản triển khai của thành phố.

2.4.2. Kết quả cần đạt:

- Tối thiểu 70-80% KPI được theo dõi, cập nhật tự động từ các hệ thống số dùng chung (HanoiWork, iHanoi, hệ thống dịch vụ công, các hệ thống chuyên ngành), giảm phụ thuộc báo cáo thủ công.

- Hình thành bảng điều hành KPI tập trung phục vụ lãnh đạo phường theo dõi, so sánh, cảnh báo sớm và điều chỉnh kịp thời.

2.5. Nhóm 5: Xây dựng hạ tầng số - nền tảng số - dữ liệu - AI dùng chung

2.5.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

Tích hợp, mở chia sẻ toàn bộ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý (trừ dữ liệu mật theo quy định) để đồng bộ vào kho dữ liệu tập trung của Thành phố. Hoàn thành trong Quý II/2026.

- Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Xây trợ lý ảo, tổng đài thông minh dùng chung; chia sẻ camera dùng chung hỗ trợ giải quyết điểm nghẽn về ùn tắc giao thông; đầu tư nội địa hóa camera AI, máy tính và các sản phẩm công nghệ. Hoàn thành trong Quý II/2026.

2.5.2. Kết quả cần đạt:

- Giảm 20% chi phí vận hành hành chính, nhờ hợp nhất hạ tầng công nghệ thông tin; chuyển sang cloud dùng chung; giảm nhân lực vận hành phân tán.

- 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; 100% phòng, ban, đơn vị thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử có ký số; số hóa toàn bộ các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) để triển khai trên môi trường số.

2.6. Nhóm 6: Cải cách thủ tục hành chính theo hướng thực chất

2.6.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Phối hợp tái cấu trúc 80% thủ tục hành chính dựa trên cơ sở dữ liệu. Hoàn thành trong Quý II/2026.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; ưu tiên cắt giảm nhóm thủ tục hành chính yêu cầu xác nhận hoặc xin xác nhận, nhóm thủ tục yêu cầu thông báo hoặc báo cáo. Hoàn thành trong Quý IV/2026.

2.6.2. Kết quả cần đạt:

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý toàn trình thực tế đạt trên 80%.
- Tỷ lệ tự động điền sẵn dữ liệu (e-form) từ cơ sở dữ liệu dùng chung đạt trên 60%.
- Giảm 80-90% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp (thời gian chuẩn bị hồ sơ; chi phí đi lại; chi phí giấy tờ, sao y; chi phí cơ hội do chờ đợi; chi phí không chính thức.)
- Giảm chi phí vận hành hành chính 20% chi phí vận hành TTHC của bộ máy (giảm tiếp nhận hồ sơ giấy; giảm nhân lực xử lý thủ công; giảm lưu trữ, đối soát thủ công).

2.7. Nhóm 7: Quản trị đầu tư công minh bạch, hiệu quả

2.7.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Số hóa, chuẩn hóa hồ sơ dự án; theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện dự án trên môi trường số. Bố trí ngân sách địa phương cho KHCN, ĐMST, CDS. Hoàn thành trong Quý I/2026.
- Xây dựng hồ sơ số dự án xuyên suốt vòng đời; triển khai cơ chế thẩm định song song giữa các cơ quan liên quan. Hoàn thành trong Quý II/2026.

2.7.2. Kết quả cần đạt:

- Rút ngắn 10-20% thời gian chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công.
- 100% điểm nghẽn về vốn, mặt bằng, thủ tục được cảnh báo sớm tới lãnh đạo các cấp.
- Giảm khoảng 10% chi phí vốn chờ và chi phí xã hội do chậm tiến độ (hạn chế điều chỉnh dự án nhiều vòng).
- Nâng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công khoảng 8%, thể hiện qua tỷ lệ giải ngân đúng tiến độ và giảm dự án kéo dài.
- Phân đầu kích hoạt thêm khoảng 10% vốn đầu tư tư nhân trong các lĩnh vực hạ tầng, đô thị, dịch vụ liên quan.

2.7.3. Đơn vị thực hiện: Sở Tài chính.

2.11. Nhóm 8: Chuyển đổi số các dịch vụ thiết yếu

2.11.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thiết lập Hệ sinh thái Giáo dục Thông minh Thủ đô (Hanoi Smart Education Hub - HSE), đóng vai trò là “trục xương sống” kết nối giữa Sở Giáo dục & Đào tạo, Nhà trường, Giáo viên, Học sinh và Phụ huynh. Trong đó, nền tảng “Học tập Cá nhân hóa” dựa trên AI (Personalized AI Learning) chứa hồ sơ số suốt đời, gia sư AI 24/7, hệ thống dự báo sớm,...

+ Triển khai Trợ lý ảo hỗ trợ giáo viên, giảm đáng kể khối lượng công việc hành chính. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Triển khai cập nhật dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân trên địa bàn phường.

- Thực hiện chi trả an sinh xã hội bằng phương thức chuyển khoản; toàn bộ quy trình xét duyệt, chi trả, đối soát được thực hiện trên môi trường số; người dân theo dõi trạng thái xử lý trên iHanoi.

2.13. Nhóm 9: Phát triển xã hội số bền vững

2.13.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Các phòng, ban, đơn vị căn cứ theo chức năng và đặc thù quản lý ngành, lĩnh vực:

+ Chuyển đổi số thực chất các ngành có ảnh hưởng tới an sinh và phúc lợi của người dân như: y tế, giáo dục, văn hóa, lao động, việc làm, an sinh xã hội, thực phẩm và môi trường. Báo cáo kết quả thực hiện vào tháng 12/2026.

- Nâng cao năng lực số của công dân Thủ đô:

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền về khung năng lực số của công dân Thủ đô; kèm theo Quy chế đánh giá, phân loại và áp dụng khung năng lực này trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội; làm căn cứ thống nhất cho tổ chức đào tạo, phổ cập và đánh giá mức độ sẵn sàng số của người dân. Thực hiện theo hướng dẫn của thành phố.

+ Phối hợp với các sở, ngành thành phố, các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức phổ cập năng lực số cho công dân theo lộ trình và phân nhóm đối tượng (học sinh, sinh viên, người lao động, người cao tuổi, nhóm yếu thế). Phát huy vai trò của nhà trường, tổ dân phố, tổ công nghệ số cộng đồng và các nền tảng số của Thành phố. Trong đó, dùng áp lực học tập bằng các thao tác số bắt buộc phải thực hiện trong các dịch vụ thiết yếu. Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026.

2.14. Nhóm 10: Giải quyết các điểm nghẽn đô thị bằng ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Các phòng, ban, đơn vị căn cứ chức năng, lĩnh vực được phân công quản lý triển khai thực hiện giải quyết các điểm nghẽn, đặc biệt các điểm nghẽn cần ưu tiên giải quyết bằng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, như: giao thông - ùn tắc, môi trường - ô nhiễm, quản lý đất đai - quy hoạch - xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, an toàn - trật tự đô thị, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu. Thực hiện thường xuyên.

+ Tổ chức đặt hàng các bài toán công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải

2.15. Nhóm 11: Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo “Make in Hanoi”

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội triển khai mô hình chuyển đổi số phường như một mô hình đổi mới phương thức quản trị cơ sở, làm nền tảng cho chính quyền số phường, đồng thời thúc đẩy kinh tế số và xã hội số tại cộng đồng dân cư. Hoàn thành trong Quý I/2026.



2.18. Nhóm 12: Xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ, phát triển đội ngũ thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Áp dụng cơ chế hỗ trợ thu nhập hàng tháng ngoài lương ngạch, bậc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trên cơ sở vị trí việc làm, trình độ chuyên môn và mức độ phức tạp của nhiệm vụ bảo đảm tổng thu nhập từ 2 - 2,5 lần mức lương hiện hưởng. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bán chuyên trách (kiêm nhiệm): căn cứ vào mức độ tham gia và khối lượng công việc thực tế.

2.20. Nhóm 13: Bảo đảm an toàn thông tin, củng cố niềm tin số

- Phối hợp với Công an thành phố triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi. Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG ĐIỂM THUỘC DIỆN ĐẢNG ỦY PHƯỜNG TRỰC TIẾP LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Ban Chỉ đạo 57 thống nhất lựa chọn các nhiệm vụ quan trọng về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo.

3.1. Chuẩn hóa dữ liệu phục vụ lãnh đạo, điều hành và an sinh xã hội

3.1.1. Mục tiêu: Hình thành bộ dữ liệu cơ bản, thống nhất phục vụ quản lý dân cư, an sinh xã hội và giải quyết thủ tục hành chính.

3.1.2. Kết quả trọng tâm: Giảm trùng lặp, sai sót trong quản lý, chi trả chính sách; nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành.

3.1.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND.

3.1.4. Đơn vị phối hợp: Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường.

3.1.5. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Kinh phí do ngân sách thành phố cấp.
- Nguồn lực bổ sung: Huy động kinh phí xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (nếu có).

3.2. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng mạng lưới wifi miễn phí phục vụ người dân tại nhà văn hóa, nhà họp Tổ dân phố và các địa điểm công cộng

3.2.1. Mục tiêu: Trang bị đường truyền internet, thiết bị wifi kết nối miễn phí tại Nhà văn hóa, nhà họp tổ dân phố và các địa điểm thăm quan, địa điểm công cộng trên địa bàn phường để người dân và khách thăm quan có thể truy cập được.

3.2.2. Đơn vị chủ trì tham mưu: Phòng Văn hóa - Xã hội

3.2.3. *Đơn vị phối hợp:* Văn phòng HĐND và UBND phường

3.2.4. *Nguồn lực:*

- Nguồn lực chủ yếu: Kinh phí do ngân sách thành phố cấp.
- Nguồn lực bổ sung: Huy động kinh phí xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (nếu có).

3.2.5. *Thời gian thực hiện:* Trong quý I/2026.

3.3. Số hóa hồ sơ di tích; ứng dụng khoa học công nghệ trong quảng bá, giới thiệu di tích

3.3.1. *Mục tiêu:* Số hóa hồ sơ di tích, giảm thiểu lưu trữ hồ sơ giấy. Phát huy hiệu quả ứng dụng công nghệ, đa dạng hóa phương thức quảng bá, giới thiệu các di tích trên địa bàn phường đến với người dân và du khách, phát triển hệ thống không gian văn hóa sáng tạo nhằm thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa, khai thác và phát huy giá trị di sản, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và bản sắc phường Yên Hòa nói riêng, Thủ đô nói chung.

3.3.2. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện:* Phòng Văn hóa - Xã hội.

3.3.3. *Đơn vị phối hợp:* Các Tiểu ban quản lý di tích; trường học trên địa bàn; Trung tâm Viettel Cầu Giấy.

3.3.4. *Nguồn lực:*

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;
- Nguồn lực bổ sung: Huy động từ nguồn xã hội hóa (nếu có).

3.3.4. *Tiến độ:* Quý I/2026.

3.4. Nâng cao hiệu quả khai thác Sổ sức khỏe điện tử

3.4.1. *Mục tiêu:* Nâng cao hiệu quả khai thác Sổ sức khỏe điện tử đã được tạo lập trên địa bàn; chuyển trọng tâm từ quản lý hồ sơ sang sử dụng dữ liệu sức khỏe phục vụ điều hành hệ thống y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe người dân.

3.4.2. *Kết quả then chốt:*

- Sổ sức khỏe điện tử được cập nhật thường xuyên, liên thông, đồng bộ giữa các cơ sở y tế và các hệ thống liên quan, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời.
- Dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử được khai thác thực chất trong công tác quản lý, điều hành y tế, khám chữa bệnh, theo dõi sức khỏe liên tục.
- Hiệu quả quản lý và chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân được cải thiện rõ rệt, có thể đo lường và kiểm chứng bằng dữ liệu vận hành, không chỉ dừng ở tỷ lệ tạo lập hồ sơ.

3.4.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện:* Trạm Y tế phường.

3.4.4. *Nguồn lực:*

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;

- Nguồn lực bổ sung: Huy động từ nguồn xã hội hóa (nếu có).

3.4.5. *Tiến độ*: Thực hiện thường xuyên.

3.5. Duy trì và nhân rộng hiệu quả mô hình “Tuyến phố thương mại 4.0 - Không dùng tiền mặt”

3.5.1. *Mục tiêu*: Hình thành thói quen thanh toán bằng hình thức chuyển khoản trong hoạt động mua sắm của Nhân dân. Cơ sở kinh doanh phải được trang bị mã QR, ví điện tử, app ngân hàng phục vụ việc thanh toán; Các giao dịch, mua bán trên tuyến phố được triển khai qua hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Cài đặt, sử dụng ứng dụng eTax Mobile để nộp thuế điện tử, hóa đơn điện tử, mã hóa đơn của cơ quan thuế.

3.5.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

3.5.4. *Đơn vị phối hợp*: Phòng Văn hóa - Xã hội; Công an phường; Trung tâm Viettel Cầu Giấy.

3.5.5. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố cấp cho UBND phường.
- Nguồn lực bổ sung: Nguồn kinh phí xã hội hóa (nếu có).

3.5.6. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý III/2026.

3.6. Xây dựng phòng học ứng dụng giáo dục STEM tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường

3.6.1. *Mục tiêu*: Giúp học sinh thay đổi cách tiếp cận vấn đề từ thụ động ghi nhớ sang chủ động giải quyết.

3.6.2. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Phòng Văn hóa - Xã hội.

3.6.3. *Đơn vị phối hợp*: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường; doanh nghiệp viễn thông.

3.6.4. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố cấp cho UBND phường.
- Nguồn lực bổ sung: Nguồn kinh phí xã hội hóa (nếu có).

3.6.5. *Tiến độ*: Trong năm 2026.

3.7. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý địa bàn và tiếp nhận phản ánh của Nhân dân

3.7.1. *Mục tiêu*: Nâng cao hiệu quả quản lý trật tự, môi trường, hạ tầng và giải quyết kịp thời phản ánh của Nhân dân.

3.7.2. *Kết quả trọng tâm*: Tăng tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn; giảm vi phạm kéo dài.

3.7.3. *Đơn vị tham mưu thực hiện*: Văn phòng HĐND và UBND.

3.7.4. *Đơn vị phối hợp*: Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường; Công an phường.

3.7.5. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố cấp cho UBND phường.

3.7.6. *Tiến độ*: Thường xuyên

3.8. Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ xác định và đề xuất cấp độ An toàn hệ thống thông tin theo quy định; tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố ATTT

3.8.1. *Mục tiêu*: Văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt an toàn hệ thống thông tin tại phường; tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các đơn vị liên quan thuộc phường.

3.8.2. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Văn phòng HĐND và UBND

3.8.3. *Đơn vị phối hợp*: Công an phường.

3.8.4. *Nguồn lực*: Ngân sách thành phố cấp cho UBND phường.

3.8.5. *Tiến độ thực hiện*: Trong năm 2026

3.9. Ứng dụng CNTT trong quản lý đô thị, xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng đô thị, an sinh xã hội

3.9.1. *Mục tiêu*: Ứng dụng thành quả của Công nghệ thông tin trong quản lý đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, an sinh xã hội, như: Bản đồ số, hỗ trợ tiêu dùng sản phẩm trên môi trường số...

3.9.2. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

3.9.3. *Đơn vị phối hợp*: Ban quản lý Dự án, đầu tư, hạ tầng; doanh nghiệp công nghệ thông tin

3.9.4. *Nguồn lực*: Ngân sách thành phố cấp cho UBND phường

3.9.5. *Tiến độ thực hiện*: Trong năm 2026

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ phường

- Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc triển khai Nghị quyết; ban hành Kế hoạch chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; phân công rõ trách nhiệm từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, gắn với lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

- Định kỳ nghe báo cáo, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Ủy ban nhân dân phường

- Căn cứ Kế hoạch hành động để ban hành kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết trong năm 2026; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra, tiến độ và nguồn lực thực hiện.

- Chỉ đạo chuẩn hóa các bài toán quản trị, điều hành thực tiễn của phường; tổ chức ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

- Định kỳ báo cáo Đảng ủy về kết quả thực hiện; chủ động đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết.

3. Thành viên Ban Chỉ đạo

- Căn cứ nhiệm vụ được phân công, chủ động xây dựng, tham mưu và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác cá nhân nhằm triển khai đầy đủ, hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

- Phát huy vai trò lãnh đạo, nêu gương; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các chủ trương, định hướng của Kế hoạch trong lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.

Định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện; kịp thời - phát hiện những vấn đề mới phát sinh, chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp, sáng kiến về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

7. Cơ quan Thường trực theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo 57 phường

- Tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai Kế hoạch tại các phòng, ban, đơn vị thuộc phường; tổng hợp, phân tích tình hình thực hiện trên cơ sở dữ liệu và báo cáo của các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo; chủ động rà soát, tổng hợp các nội dung chuyên môn phục vụ công tác tham mưu, bảo đảm chất lượng trước khi báo cáo, trình Ban Chỉ đạo xem xét.

10. Cơ chế thông tin, báo cáo

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng (trước ngày 25 hằng tháng) về kết quả triển khai Kế hoạch; gửi phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo theo quy định.

- Nội dung báo cáo ưu tiên sử dụng dữ liệu trích xuất trực tiếp từ các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ điều hành; bảo đảm khách quan, minh bạch, có khả năng kiểm chứng; kiên quyết hạn chế báo cáo thủ công, hình thức, không phản ánh đúng thực chất. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, cập nhật thường xuyên kết quả thực hiện nhiệm vụ theo bộ chỉ số KPI và các mốc công việc phù hợp với từng giai đoạn triển khai.

- Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về việc xác định, cập nhật và hoàn thiện bộ chỉ số KPI, các mốc công việc theo từng giai đoạn; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo theo mẫu quy định, làm căn cứ theo dõi, đánh giá và điều hành.

11. Kinh phí thực hiện và huy động nguồn lực

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ có tính đột phá, lan tỏa trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc xác định nhiệm vụ, đo lường kết quả và điều kiện bố trí nguồn lực quy định tại Kế hoạch này, gắn với kết quả đầu ra cụ thể.

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa từ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn phường năm 2026. Đề nghị các thành viên Ban chỉ đạo và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ được giao, góp phần tạo đột phá thực chất trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của phường./.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo 57 Thành ủy;
- UBND thành phố;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT. Đảng ủy phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các đ/c thành viên BCD 57;
- Lưu: VT, VPĐUP.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quốc Khánh